TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29 – 11 – 2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Minh Hoàng.

2. Bà Đoàn Thị Sim.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Bảo Trân – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 263/2024/TLST - HNGĐ ngày 01/10/2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1974; Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Hiện đang tạm trú số 17 – 18, đường Lê H, phường Vĩnh Thanh V, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Cô Xuân X, sinh năm 1971; Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Đỗ Thị L và ông Cô Xuân X tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1996, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2023, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân theo bà L trình bày là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến việc vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, từ đó đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc và ông bà đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2023 âm lịch cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay bà L xác định không còn tình cảm với ông X nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông X.

Về con chung, bà L khai có hai người con là Cô Thị Nhất Linh, sinh ngày 19/05/1996 và Cô Chí Hiểu, sinh ngày 22/10/2001. Hiện các con đã trưởng thành, tự nuôi sống bản thân được nên khi ly hôn, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung, bà L khai không có.

Đối với ông Cô Xuân X (bị đơn), tuy đã được Thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng ông không đến Toà, cũng không gửi văn bản để nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị L (nguyên đơn).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau từ năm 1996 đến nay tuy đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định nên căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì việc kết hôn trên không được đăng ký theo quy định là không có giá trị pháp lý. Tuy bị đơn không đến Tòa, không nộp ý kiến bằng văn bản để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng do quan hệ hôn nhân giữa nguyên và bị đơn có vi phạm về mặt hình thức nên quan hệ hôn nhân trên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở được chấp nhận.

[3] Về con chung là Cô Thị Nhất Linh, sinh ngày 19/05/1996 và Cô Chí Hiểu, sinh ngày 22/10/2001. Hiện các con đã trưởng thành, tự nuôi sống bản thân được nên khi ly hôn, nguyên đơn không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, riêng bị đơn cũng không có ý kiến gì về con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, nguyên đơn khai không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 144, 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân, không công nhận vợ chồng giữa bà Đỗ Thị L và ông Cô Xuân X.

- Về con chung là Cô Thị Nhất Linh, sinh ngày 19/05/1996 và Cô Chí Hiểu, sinh ngày 22/10/2001. Hiện các con đã trưởng thành, tự nuôi sống bản thân được nên khi ly hôn, bà Đỗ Thị L không đặt ra yêu cầu gì về con nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung, bà Đỗ Thị L khai không có nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, bà Đỗ Thị L phải chịu số tiền 300.000 đồng. Ngày 26/9/2024, bà L đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0003838 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Bà L có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông X vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lâm Hoài Ân